

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2017/HSPT

Ngày: 14-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tô Phú Đông.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Bà Nguyễn Thị Mai

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thanh Trúc -
Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ tham gia phiên toà: Lưu Thúy Ái
- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp,
xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 148/2017/HSPT ngày 31 tháng 5 năm
2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T (N).

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T (N) đối với bản án hình sự sơ
thẩm số: 07/2017/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện
T1.

** Bị cáo có kháng cáo:*

NGUYỄN VĂN T

Tên gọi khác: N;

Sinh năm: 1950;

HKTT: ấp LP 2, xã LĐ B, huyện C, tỉnh A;

Chỗ ở: Khóm A1, phường A2, thị xã H, tỉnh Đ;

Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Trình độ văn hóa: 04/12;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Hòa Hảo;

Con ông: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1923 (đã chết);

Con bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1930 (đã chết);

Vợ: Võ Thị Đ1, sinh năm 1950;

Con: 03 người, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1984;

Anh, chị, em: Có 08 người, bị cáo là người thứ nhất;

Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giữ: Ngày 04/7/2016;

Tạm giam: Ngày 13/7/2016;

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, trong vụ án còn người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T1 thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2013 Nguyễn Văn T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên tự bịa đặt ra tên Chi nhánh Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ đóng tại số 133, huyện C1, tỉnh L1. T đến thành phố L2, tỉnh A thuê khắc dấu hình bầu dục ghi: Tiểu bang caliphonhal - CN Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ; dấu kiểm định CN xuất khẩu Hoa kỳ; Chủ tịch Hội đồng quản trị; dấu tên Nguyễn Văn T – nhân viên kiểm định; Nguyễn Thị Nh (chủ tịch Hội đồng quản trị); Dương Thị S (phó chủ tịch Hội đồng quản trị) và in 01 thẻ nhân viên kiểm định Ngân hàng có tên Nguyễn Văn T; đồng thời T thuê đánh máy vi tính và phô tô nhiều mẫu giấy tờ như: hợp đồng vay thế chấp chi nhánh Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ, Bảng kiểm định Chi nhánh Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa kỳ; giấy báo tin về việc phát tiền hộ nghèo; giấy báo tin Chi nhánh Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa kỳ về việc phát tiền vay thế chấp; đơn xin cấp tiền hộ nghèo, hợp đồng lao động Chi nhánh Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ; biên nhận, phiếu thu... Sau đó, T sử dụng các giấy tờ giả này và đi dò tìm những người có nhu cầu vay vốn Ngân hàng để gian dối tự giới thiệu mình là nhân viên kiểm định Ngân hàng xuất khẩu Hoa Kỳ, nhận kiểm định hồ sơ vay thế chấp quyền sử dụng đất, vay chăn nuôi bò với lãi suất 0,3%/tháng, thời hạn vay

05 năm, nếu ai vay số tiền 100.000.000đ thì phải đưa tiền cho T từ 1.500.000đ đến 4.000.000đ gọi là tiền phí thăm định và bồi dưỡng, nếu vay số tiền là 200.000.000đ thì người vay phải đóng tiền phí ban đầu là 8.000.000đ; T còn bịa đặt nhận hồ sơ để Ngân hàng xét duyệt hỗ trợ tiền cho người dân nghèo, mỗi hộ nghèo sẽ được hỗ trợ số tiền từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ, với điều kiện phải đóng trước cho T số tiền từ 200.000đ đến 1.200.000đ cho mỗi hộ nghèo.

Bằng thủ đoạn nêu trên, Nguyễn Văn T đã nhiều lần thực hiện gian dối để nhận tiền và chiếm đoạt của nhiều người trong khu vực huyện T1 và thị xã H, cụ thể như sau:

Khoảng cuối năm 2013 đến đầu năm 2014, tại khóm TĐ A và TĐ B, thuộc thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Đ, T gặp và kết bạn với Nguyễn Văn S1 cư trú ấp TL, xã TM, huyện C, tỉnh A tự giới thiệu mình là nhân viên Ngân hàng nhận hồ sơ xin xét duyệt hưởng tiền hỗ trợ hộ nghèo, ông S1 tin tưởng nên cung cấp giấy CMND (CMND) của mình và mượn thêm giấy CMND của những người thân, gồm: Nguyễn Thành Nh; Nguyễn Văn R; Nguyễn Thị T3; Nguyễn Thị Thu L; Nguyễn Thanh B, cùng cư trú ấp TL, xã TM, huyện C, tỉnh A và Đỗ Văn D1 cư trú ấp 3, xã TM, Nguyễn Thị Anh Th, cư trú ấp BH, xã BT, huyện T1, tỉnh Đ, để ông S1 đăng ký làm thủ tục xin hưởng tiền hỗ trợ hộ nghèo, ông S1 tự xuất tiền đưa cho T ba lần tại các quán nước giải khát thuộc khóm TĐ A, thị trấn T1, huyện T1, tổng cộng là 2.800.000đ, T ghi biên nhận và lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, thông qua giới thiệu của ông S1, T đã lập thủ tục xét tiền hộ nghèo cho Phạm Văn Tr, cư trú ấp TL, xã TM, huyện C, tỉnh A, chiếm đoạt của ông Tr số tiền 600.000đ.

Khoảng đầu năm 2014, tại khóm TĐ B, thị trấn T1, huyện T1, T gặp và dùng lời nói gian dối với Nguyễn Văn S3, cư trú ấp K9, xã PĐ, huyện TN, tỉnh Đ nhận xét duyệt hồ sơ xin hưởng tiền hỗ trợ hộ nghèo. Sau đó, ông S3 mượn và sử dụng giấy CMND của Võ Thị Thu H; Châu Thị S4 để đăng ký với T làm thủ tục xin hưởng tiền hỗ trợ hộ nghèo, ông S3 đưa tiền phí cho T 2.050.000đ, T tiêu xài hết. Ngoài ra, thông qua ông S2, T nhận của Nguyễn Thị Hồng Nh 450.000đ để lập thủ tục cấp tiền hộ nghèo.

Vào cuối năm 2014 đến đầu năm 2015, tại ấp BĐ, xã BT, và khóm TĐ A; khóm TĐ B, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Đ, T gặp làm quen với ông Trần Văn H, cư trú ấp BĐ, xã BT, huyện T1 giới thiệu nhận xét duyệt hồ sơ xin hưởng tiền hỗ trợ hộ nghèo từ Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ, ông H tin tưởng là thật, nên cung cấp và mượn thêm giấy CMND của những người thân, gồm: Đặng Thị H; Trần Thị Nh; Trần Tuấn A; Trần Văn Th và Nguyễn Võ Minh K

để đăng ký làm thủ tục xin hưởng tiền, ông H trực tiếp đưa tiền phí cho T 3.600.000đ, T chiếm đoạt tiêu xài hết.

Cũng trong khoảng thời gian này T thông qua ông H đã giới thiệu và nhận đăng ký làm thủ tục xin được hưởng tiền hỗ trợ hộ nghèo rồi nhận tiền phí của 13 người, gồm: Dương Thị Bích Nh, cư trú: ấp Nh, xã AP, huyện T1, chị Nh lấy thêm CMND của chồng là Cao Văn Nu A cư trú: ấp BHH, xã TTH B, huyện H lập hồ sơ và đưa T 1.200.000đ, còn lại 12 người, mỗi người 600.000đ, gồm: Trần Thị L, cư trú: ấp Nh, xã AP, huyện T1; Nguyễn Trường S; Trần Thị D; Nguyễn Văn Tr; Nguyễn Văn Tr; Phan Thị Nh; Đặng Thị S; Lê Thị Hồng G; Nguyễn Trường A, cùng cư trú: ấp 1, xã TM, huyện T1 ; Trần Thị X; Lê Văn H cùng cư trú: ấp BD, xã BT, huyện T1; Nguyễn Thị Kim X cư trú: ấp T, xã TT, huyện T1;,, tỉnh Đ, tổng cộng T nhận số tiền là 8.400.000đ.

Khoảng tháng 9 năm 2014, T đến xã TQ làm quen với Nguyễn Văn Đ và Phạm Văn N, cùng cư trú: ấp T, xã TQ, huyện T1, bằng thủ đoạn nêu trên T hứa hẹn nhận làm hồ sơ vay vốn chăn nuôi bò mỗi hộ được vay 200.000.000đ, người vay phải nộp tiền phí 8.000.000đ. Ông Đ và ông N tin tưởng nên thống nhất lập thủ tục vay vốn và đưa tiền phí cho T. Lúc này, con ông Đ là Nguyễn Thị Hồng V cũng cần vay nên cùng lập thủ tục. T nhận tiền phí của ông Đ 8.000.000đ, ông N 8.000.000đ và bà V 4.000.000đ, tổng cộng 20.000.000đ T đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Đến tháng 10/2014, cũng tại ấp T xã TQ, T gian dối với ba người, gồm: Nguyễn Thị Tuyết Ng; Nguyễn Hoài L và Nguyễn Văn Nh, T hứa hẹn lập thủ tục để Ngân hàng xuất khẩu Hoa Kỳ hỗ trợ hộ nghèo mỗi người 20.000.000đ - 25.000.000đ với điều kiện mỗi hộ chi tiền phí cho T 800.000đ. T nhận tổng cộng 2.400.000đ chiếm đoạt tiêu xài.

Vào đầu năm 2015, tại khóm TĐA, thị trấn T1, huyện T1 và ấp 1, xã TM, huyện T1, Nguyễn Văn T gạ giới thiệu nhận xét duyệt hồ sơ xin hưởng tiền hỗ trợ hộ nghèo đối với ông Nguyễn Văn H, cư trú: ấp 1, xã TM, huyện T1. Ông H tin tưởng nên sau đó, mượn và sử dụng giấy CMND của 17 người, gồm: Bùi Thị L; Nguyễn Thị D; Nguyễn Thị Tr; Nguyễn Văn Th; Võ Thị B, cùng cư trú: ấp 1, xã TM, huyện T; Nguyễn Văn L; Nguyễn Thị Bạch T; Nguyễn Thị Th; Lê Văn S; Nguyễn Văn B; Nguyễn Thị Thu Th; Lê Thị B; Nguyễn Văn L, cùng cư trú: ấp 2, xã TM, huyện T; Nguyễn Thị Út C; Phan Thị Th; Nguyễn Thị Ng; Nguyễn Văn H, cùng cư trú: ấp 4, xã Phú Lợi, huyện T để ông H đăng ký với T

làm thủ tục xin hưởng tiền hỗ trợ người nghèo, ông H trực tiếp đưa cho T tổng cộng số tiền phí 13.800.000đ, T lấy tiền tiêu xài hết.

Đến khoảng giữa năm 2015, Nguyễn Văn T đến khóm TĐ A và khóm TĐ B, thị trấn T, huyện T, dò tìm và quen biết với ông Nguyễn Thanh T, cư trú: ấp TL, xã TM, huyện C1, tỉnh A, cũng bằng thủ đoạn gian dối T giới thiệu là nhân viên kiểm định Ngân hàng, nhận hồ sơ xét duyệt xin hưởng tiền hỗ trợ hộ nghèo, với điều kiện nộp tiền phí, làm ông T tin tưởng nên mượn và sử dụng giấy CMND của hai người là ông Võ Văn C và ông Bùi Văn M, cùng cư trú: ấp TL, xã TM, huyện C, tỉnh A, đăng ký làm thủ tục, T chiếm đoạt của ông T số tiền là 800.000đ.

Thông qua ông T, T còn nhận tiền của năm người xin hỗ trợ hộ nghèo, gồm: Trần Văn Ph; Trần Thị Th; Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Ngọc D; Nguyễn Văn E là những người cư trú: ấp TH, ấp TH và ấp TL thuộc xã TM, huyện C1, tỉnh A, mỗi người đưa tiền phí 400.000đ, tổng cộng T chiếm đoạt 2.000.000đ.

Khoảng giữa tháng 6/2015 T tiếp tục đến khóm TĐ A, thị trấn T, huyện T làm quen với ông Bùi Văn A, qua đó T tự giới thiệu là nhân viên kiểm định Ngân hàng xuất khẩu Hoa Kỳ, trực tiếp thẩm định việc vay vốn với lãi suất thấp chỉ 0,3% và thời hạn trả kéo dài 5 năm, ông A tin tưởng và đang cần vay tiền nên trao đổi cách thức vay, T xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSD đất) của ông A diện tích 3.400m² cho biết Ngân hàng sẽ cho vay được 500.000.000đ với điều kiện nộp tiền phí 20.000.000đ, T giả vờ nói với ông A tranh thủ hồ sơ để kịp giải ngân vào cuối tháng, đến ngày 24/6/2015 T đến nhà ông A viết tờ hợp đồng theo mẫu giấy có sẵn, nhận bản phô tô giấy chứng nhận QSD đất, sổ hộ khẩu... ông A đưa khoản tiền phí 20.000.000đ, T làm biên nhận và nhận tiền tiêu xài cá nhân.

Như vậy tại địa bàn huyện T1, Nguyễn Văn T đã thực hiện 10 lần chiếm đoạt của 32 người với tổng số tiền là 76.900.000đ.

* Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn T thực hiện tại thị xã H, thể hiện như sau:

Khoảng tháng 8/2015, tại khóm TĐ, phường AL, thị xã H, tỉnh Đ. Cũng bằng thủ đoạn giả tìm những người có nhu cầu vay vốn để tiếp cận làm quen, rồi gian dối sử dụng giấy tờ giả, giới thiệu mình là nhân viên kiểm định Ngân hàng xuất khẩu Hoa kỳ, nhận làm thủ tục vay, nhận lập thủ tục để Ngân hàng xét duyệt hỗ trợ tiền hộ nghèo. T gặp và nhận xét duyệt hồ sơ xin hưởng tiền hỗ trợ

hộ nghèo cho Nguyễn Thị Th. Sau đó, bà Th mượn và sử dụng thêm giấy CMND của hai người con, gồm Nguyễn Thành Th và Nguyễn Thị Kim Th để cung cấp thông tin, T bảo bà Th nộp thêm phí của ba hộ do T cung cấp gồm: Nguyễn Văn Đ, Trần Quý H và Ch để được nhận tiền hỗ trợ. Bà Th tin tưởng nên đã đưa cho T tiền phí (6 hộ) tổng cộng 4.800.000đ, T chiếm đoạt tiêu xài hết.

Khoảng tháng 11/2015, tại khóm AT, phường AL, thị xã H, T tiếp cận với Nguyễn Thị Thùy Tr, dùng lời nói gian dối hứa làm thủ tục xin việc làm cho Tr vào Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ, T soạn mẫu hợp đồng lao động, điền tên và lập hợp đồng, đóng dấu giả phía bên Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ và bịa đặt đưa Tr đi học, lệ phí đào tạo 6 tháng tại trường Đại học Quốc tế tỉnh B là 10.000.000đ, bà Th tin tưởng nên giao tiền trước cho T 8.000.000đ, sau đó T tiếp tục bịa chuyện lập thủ tục hỗ trợ tiền hộ nghèo kèm theo điều kiện đóng phí 1.100.000đ /1 hộ, chị Tr mượn thêm CMND của anh ruột tên Nguyễn Hữu Ngh cung cấp cho T, đồng thời Tr trực tiếp đưa tiền phí cho T 2.300.000đ. Tổng cộng T đã chiếm đoạt của chị Tr số tiền 10.300.000đ.

Khoảng tháng 3/2016, T nhận xét duyệt hồ sơ xin hưởng tiền hộ nghèo của Nguyễn Thiện V, cư trú: khóm AT, phường AL, thị xã H, ông V mượn thêm giấy CMND của Nguyễn Văn V để đăng ký hai hộ, T nhận tiền và chiếm đoạt của ông V 2.400.000đ.

Tháng 4/2016, tại khóm 2, phường AT, thị xã H, T tiếp xúc trao đổi gian dối về việc nhận kiểm định hồ sơ vay thế chấp nhà, đất đối với ông Bùi Hòa D về hợp đồng vay khoản tiền 300.000.000đ với lệ phí 3.000.000đ, anh D đã đưa tiền cho T và T đã chiếm đoạt tiêu xài.

Ngày 15/4/2016, tại khóm AT, phường AL, thị xã H, T nhận kiểm định hồ sơ vay thế chấp nhà, đất của ông Trần Văn Th, hứa hẹn cho vay 500.000.000đ và yêu cầu anh Th đưa tiền lệ phí và bồi dưỡng cho T 7.500.000đ. Khoảng 1 tháng sau, anh Th có mượn lại T 1.000.000đ, còn số tiền 6.500.000đ T chiếm đoạt.

Ngày 27/6/2016, cũng tại khóm AT, phường AL, thị xã H, T gian dối nhận xét duyệt hồ sơ xin hưởng tiền hộ nghèo cho ông Lâm Văn A, cư trú: khóm AB, phường AL, thị xã H và nhận chiếm đoạt của ông A số tiền 800.000đ.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 04/7/2016, tại khóm 4, phường A, thị xã H, tỉnh Đ, T gặp trao đổi với Bùi Văn Th, cư trú: khóm 1, phường A, thị xã H, nói dối trong việc nhận kiểm định hồ sơ vay thế chấp nhà, đất với khoản vay 150.000.000đ, lãi suất thấp, thời hạn trả 5 năm, kèm theo điều kiện lệ phí và bồi dưỡng đưa trước là 2.500.000đ, anh Th tin tưởng nên thống nhất giao cho T 2.500.000đ, T viết biên nhận cho anh Th và lấy tiền bỏ vào túi quần. Lúc này, lực lượng Công an thị xã H bắt quả tang, tiến thành thu giữ tang vật số tiền mới nhận và các giấy tờ tài liệu có liên quan.

Như vậy, Nguyễn Văn T thực hiện 7 lần lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của 7 người trong địa bàn thị xã H với số tiền tổng cộng là: 30.300.000đ.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, còn khai nhận thêm đã thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của một số người thuộc huyện PT và huyện C1, tỉnh A; huyện TN, tỉnh Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình, đã ban hành Công văn thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các địa phương nêu trên để tiến hành điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2017/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T1 đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (N) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (N) 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 04/7/2016.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27 tháng 4 năm 2017, bị cáo Nguyễn Văn T (N) có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, lời khai của bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng thời gian từ giữa năm 2013, bị cáo T tự đặt ra tên “*Chi nhánh Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ*” có địa chỉ số 133, huyện C, tỉnh L, thuê khắc dấu, mộc tên, in lôgô, thẻ nhân viên kiểm định... rồi bị cáo T sử dụng những công cụ, giấy tờ giả này và dò tìm làm quen với những người có nhu cầu vay vốn Ngân hàng hoặc làm thủ tục để được hưởng trợ cấp hộ nghèo để thực hiện hành vi lừa đảo. Bị cáo T tự giới thiệu mình là nhân viên kiểm định của chi nhánh Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hoa Kỳ và đưa ra những giấy tờ liên quan đến Ngân hàng, làm cho họ tin tưởng, lập thủ tục vay và đưa tiền phí kiểm định hoặc tiền bồi dưỡng theo yêu cầu của bị cáo với lệ phí đưa trước từ 1.500.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo T còn bịa ra chuyện Ngân hàng hỗ trợ vốn cho người nghèo từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ cho một hộ nhưng với điều kiện nộp tiền lệ phí trước từ 400.000đ đến 1.200.000đ/01 hộ. Với hành vi trên bị cáo đã chiếm đoạt của 39 người bị hại với số tiền là 107.200.000 đồng ở các địa phương như thị xã H, huyện T1, huyện TN và một số địa phương khác.

Xét thấy, bị cáo vì muốn có tiền chi xài cho mục đích cá nhân mà không cần phải lao động vất vả, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người khác đối với mình để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức hình phạt là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tình tiết gì mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Ngoài hành vi lừa đảo trên địa bàn các huyện T, thị xã H của tỉnh Đ, bị cáo T còn có hành vi lừa đảo những người bị hại trên địa bàn huyện PT, tỉnh A và bị

Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh A xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với mức án 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2016 theo Bản án số 07/2017/HSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có cơ sở nên chấp nhận.

Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2016.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đ;
- Ban Nội chính Tỉnh uỷ;
- Sở T pháp;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Trại tạm giam tỉnh Đ;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đ;

(Đã ký)

Tô Phú Đông

- Phòng KTNV-THA.TA tỉnh Đ;
- Lưu HSVA (Trúc).